

Bản án số: 48/2019/HS- ST
Ngày 23-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Đinh Thị Thu Huyền

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2019/TLST- HS ngày 20 tháng 8 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1991; tại thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H và bà: Nguyễn Thị Th; Vợ, con: Chưa có; **Tiền án, Tiền sự:** không; **Nhân thân:**

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34 ngày 26/01/2013 của Công an phường Ng, thành phố B, xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21 ngày 19/12/2013 của Công an phường Th, thành phố B xử phạt 500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Bản án số 01/2013/HSST ngày 04/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 19 tháng 18 ngày về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Bản án số 26/2014/HSST ngày 25/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 1 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp 10 tháng tù tại bản án số 01 ngày 04/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Y buộc M phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 1 năm 10 tháng tù. Ngày 29/5/2015, M chấp hành xong bản án.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 28/4/2019 đến ngày 01/5/2019, ngày 27/5/2019 bị bắt tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985 (vắng mặt);

2. Anh Phạm Trí T1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Đào Văn T2, sinh năm 1972;

Cư trú tại: thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1956(vắng mặt);

Cư trú tại: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Ngụy Đình Tr, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cư trú tại: thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cư trú tại: thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Đồng Khắc Q, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cư trú tại: thôn G, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1974(vắng mặt);

Cư trú tại: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Ong Thế V , sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cư trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 28/4/2019 đến 05/5/2019, Nguyễn Văn M, sinh năm 1991, ở thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thực hiện hành vi như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 28/4/2019, Nguyễn Văn M đi đến nhà anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981 ở cùng thôn mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, BKS 98N5-5569 do Trung Quốc sản xuất rồi đi đến nhà anh Ngụy Đình Tr, sinh năm 1987 ở thôn B, xã T, huyện Y cầm cố được 400.000 đồng. Sau đó, M đi đến nhà bạn là anh Ngụy Văn T3, sinh năm 1985 ở thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang chơi, đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, M mượn chiếc xe đạp của anh T3 để đi mua thuốc lá. Khi Mạnh đi qua cổng nhà chị Ngụy Thị Th, sinh năm 1985 ở cùng thôn với anh T3, nhìn thấy trong sân nhà chị Th để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Smash, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 98L3-8207. M quan sát thấy cổng nhà chị Th mở, chìa khóa xe mô tô cắm ở ổ khóa điện và không thấy người trông coi tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. M đi xe đạp đến nhà văn hóa thôn Đ, xã T, huyện Y để chiếc xe đạp ở nhà Văn hóa rồi đi bộ đến nhà chị Th, đi vào trong sân dắt chiếc xe mô tô ra cổng, nổ máy thì bị chị Th phát hiện đã hô hoán mọi người chạy đuổi theo nhưng M đã điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được chạy mất, rồi đi đến nhà anh Ngụy Đình Tr, sinh năm 1987 ở thôn B, xã T, huyện Y để cầm cố chiếc xe lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi M đến nhà anh Tr thì anh Tr không có nhà nên M gặp mẹ anh Tr là bà Ngụy Thị Ch, sinh năm 1965, M nói với bà Ch cho M để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L3-8207 để chuộc chiếc xe mô tô BKS 98N5-5569 ra thì bà Ch đồng ý. Sau đó, M đi chiếc xe mô tô BKS 98N5-5569 về trả lại cho anh Th và đi về nhà.

Ngày 28/4/2019, chị Ngụy Thị Th làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Y.

Ngày 28/4/2019, anh Tr về nhà kiểm tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Smash, BKS: 98L3-8207 thì thấy bên trong cốp xe có 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Trí T1 là chồng chị Ngụy Thị Th. Sau khi biết chiếc xe mô tô này là do M trộm cắp mà có, cùng ngày anh Tr giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y .

Ngày 28/4/2019, biết hành vi của mình bị phát hiện nên Nguyễn Văn M

đến Công an huyện Y đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 08/5/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị chiếc xe mô tô M trộm cắp của chị Th. Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-ĐGTS ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, màu sơn đỏ, BKS: 98L3-8207 trị giá 2.035.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 14 giờ ngày 05/05/2019, Nguyễn Văn M đi đến cây xăng Hoàng Phong ở tiểu khu I, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang gặp anh Đào Văn T2, sinh năm 1972 ở thôn Đ, xã Nh, huyện Y mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 98B1- 614.42 của anh T2 để về nhà lấy đồ dùng cá nhân. Trên đường đi, M nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của anh T2 đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân nên M đi đến nhà anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1980 ở thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thế chấp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 614.42 để vay anh Ph 4.000.000 đồng, số tiền này M chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng chuộc lại tài sản trả cho anh T.

Sau khi không thấy M trả lại xe, anh T2 đi tìm và yêu cầu M trả lại xe nhưng M không trả lại, ngày 07/5/2019, anh T2 làm đơn trình báo Công an huyện Y.

Ngày 10/5/2019, M đến Công an huyện Y đầu thú, khai nhận thực hiện hành vi phạm tội và khai vào khoảng 10 giờ ngày 10/5/2019 khi M đi đến đoạn đường liên thôn thuộc địa phận thôn Đ, xã T, huyện Y thì bị một số người dân đánh gây thương tích, M không biết những người này là ai.

Ngày 10/5/2019, biết chiếc xe mô tô do M đem đến là tài sản do M phạm tội mà có nên anh Nguyễn Văn Ph đã giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98B1-614.42.

Ngày 10/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị chiếc xe mô tô mà M chiếm đoạt của anh T2. Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 98B1-614.42 giá trị là 4.037.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba bảy nghìn đồng).

Cáo trạng số 51/CT- VKSYD ngày 19 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân

dân huyện Y truy tố Nguyễn Văn M về các tội “ *Trộm cắp tài sản* ” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “ *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* ” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo M khai: Bị cáo đi qua nhà chị Th, thấy cổng mở, chiếc xe máy để ở sân có chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, không có người trông coi, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô. Bị cáo vào sân ngồi lên xe nổ máy đi đến nhà anh Tr cầm cố, đổi lấy chiếc xe M cầm cố trước đó, bị cáo không biết chị Th tri hô, không biết mọi người đuổi theo.

Đối với chiếc xe mô tô Hon da, loại xe Wave BKS 98B1- 614.42 của anh T2: Do bị cáo chơi với anh T2, ngày 05/5/2019, bị cáo mượn xe của anh T2 làm phương tiện đi lại, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh T2. Bị cáo mang đi cầm lấy tiền chi tiêu, anh T2 đòi xe bị cáo không có khả năng chuộc xe trả lại anh T2. Khi cầm cố xe cho anh Ph, bị cáo không nói đó là tài sản do phạm tội mà có. Nay anh Ph yêu cầu bị cáo trả số tiền 4.000.000đ, bị cáo đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Nguyễn Văn M phạm các tội “ *Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn M từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 21 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam tức 27/5/2019, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 28/4/2019 đến ngày 01/5/2019.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho anh Ph 4.000.000đ.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về các tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, không bị oan. Bị cáo nhất trí các kết luận định giá, nhất trí nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/4/2019, tại nhà ở của chị Ngụy Thị Th, sinh năm 1985, ở thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn M, sinh năm 1991, ở thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đi qua cổng nhà chị Th, thấy trong sân có 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Smash, màu sơn đỏ, BKS: 98L3- 8207 giá trị là 2.035.000 đồng. M quan sát thấy cổng nhà chị Th mở, chìa khóa xe mô tô cắm ở ổ khóa điện, không thấy có người trông coi, M đi vào sân dắt chiếc xe mô tô ra cổng, nổ máy điều khiển xe mô tô đến nhà anh Ngụy Đình Tr, sinh năm 1987 ở thôn B, xã T, huyện Y cầm cố đổi lấy chiếc xe mô tô M đã cầm cố trước đó.

Khoảng 14 giờ ngày 05/05/2019, tại cây xăng Hoàng Phong ở tiểu khu I, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do có quen biết là người cùng làng, Nguyễn Văn M mượn của anh Đào Văn T2, sinh năm 1972, ở thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 98B1-614.42 giá trị 4.037.000 đồng để về nhà lấy đồ dùng cá nhân. Sau khi M mượn được xe mô tô của anh T2, M mang đến nhà anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1980 ở thôn H, xã Đ, huyện Y thế chấp số tiền 4.000.000đ và chi tiêu cá nhân hết, không trả lại xe cho anh T2. Tổng giá trị tài sản M trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 6.072.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về các tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của vợ chồng chị Th, anh T1 và T2 được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] **Tình tiết giảm nhẹ:** Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi bị phát hiện ra đầu thú. Áp dụng điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] **Tình tiết tăng nặng:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy, bị cáo 02 lần bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy*; 02 lần bị xét xử về tội *trộm cắp tài sản* và phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo phạm nhiều tội, áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

[6] Anh Ngụy Đình Tr và bà Ngụy Thị Ch có hành vi cho M để lại chiếc xe mô tô BKS: 98L3- 8207 ở nhà mình nhưng anh Tr, bà Ch không biết đó là tài sản do M trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý được. Anh Nguyễn Văn Ph có hành vi nhận thế chấp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-614.42 nhưng anh Ph không biết đó là tài sản do M phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý . Đối với việc M bị một số người dân đánh gây thương tích tại địa phận thôn Đ, xã T, huyện Y, do thương tích nhỏ M không yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét là có căn cứ.

[7] **Trách nhiệm dân sự:** Đối với chiếc xe đạp M mượn của gia đình anh T3, anh T3 đã đến nhà Văn hóa mang về sử dụng, anh T3 không có yêu cầu đề nghị gì. Ngày 28/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Smash, BKS: 98L3- 8207 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Trí T1 cho chị Ngụy Thị Th. Chị Th nhận lại tài sản, không yêu cầu M phải bồi thường thêm; Anh Tr, bà Ch không có yêu cầu đề nghị gì. Ngày 28/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y trả lại 01 chiếc xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 98B1- 614.42 cho anh Nguyễn Văn T2.

Anh T2 nhận lại tài sản, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ph: Anh Ph nhận cầm cố xe mô tô của M không biết đó là tài sản do M phạm tội mà có, nay anh Ph yêu cầu bị cáo hoàn trả 4.000.000đ, áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 579, 580 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm các tội “*Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự; Căn cứ Khoản 2 Điều 136; Điều 23 , Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 331; 332, 333; 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

Nguyễn Văn M 07 (bảy) tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, 08 (tám) tháng tù về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam tức 27/5/2019 nhưng được trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2019 đến 01/5/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 579, 580 của Bộ luật dân sự buộc Nguyễn Văn M hoàn trả anh Nguyễn Văn Ph 4.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y);
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Lưu HS.VP;
- Công an huyện Y;
- Trại tạm giam kẻ; Bị cáo.
- UBND xã Nh.;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hương

